

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁ DỠ TÂY HỒ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁ DỠ TÂY HỒ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAY HO DEMOLITION AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAY HO D&C.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108875737

**3. Ngày thành lập:** 26/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

tổ 11, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902118555

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                    | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                              | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                             | 4221        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                         | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                        | 4211        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                  | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                   | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                    | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                             | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                      | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                           | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311(Chính) |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                       | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                  | 4390        |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>-Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                               | 4610        |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                         | 4649        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659        |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                              | 4663        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGÔ VĂN HIỀN   | tổ 11, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 380.000    | 3.800.000.000         | 40,000    | 036082006635                                                                                |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 380.000    | 3.800.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ĐỨC NHƯ | thôn Tân Kết, Xã Đức Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 285.000    | 2.850.000.000         | 30,000    | 121303574                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 285.000    | 2.850.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                      |                           |         |               |        |                 |
|---|----------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ THU GIANG | tổ 11, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 285.000 | 2.850.000.000 | 30,000 | 0011840390<br>0 |
|   |                      |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                 |
|   |                      |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                 |
|   |                      |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                 |
|   |                      |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                 |
|   |                      |                                                                      | Tổng số                   | 285.000 | 2.850.000.000 | 30,000 |                 |
|   |                      |                                                                      |                           |         |               |        |                 |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ VĂN HIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/09/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036082006635

Ngày cấp: 28/06/2017

Nơi cấp: cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 11, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: tổ 11, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội